

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1917/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 10 - 2019
V/v tranh chấp: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kha

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Kim Yến

2. Ông Trần Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 529/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 09 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N sinh năm: 1966

Địa chỉ: 53B cư xá A đường X, phường Y, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hải C sinh năm: 1962

Địa chỉ: 53B cư xá A đường X, phường Y, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/03/2017, bản khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – bà Trần Thị N trình bày:

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Hải C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường B quận 1 thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống và cách sống, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được. Năm 2014 bà N có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận 1 thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà rút đơn trước khi tòa thụ lý để các bên có thời gian hòa giải. Vào giữa năm 2016, bà N tiếp tục nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận 1, sau đó Tòa án quận 1 đã chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh để giải quyết theo thẩm quyền (theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 1582/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08/09/2016 của Tòa án nhân dân quận 1 thành phố Hồ Chí Minh), sau khi được tòa án động viên hòa giải bà N đã rút đơn và Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 39/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2017, để ông C có thêm thời gian khắc phục những

bất đồng mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hải C. Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Hưng T sinh ngày 18/01/1993 và Nguyễn Hồng H sinh ngày 22/06/1996, các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung: tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà N xác định vợ chồng bà không có bất kỳ khoản nợ chung hay trách nhiệm, nghĩa vụ dân sự chung nào nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Hải C trình bày:

Ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường B quận 1 thành phố Hồ Chí Minh như bà N đã trình bày. Quá trình chung sống bình thường, vợ chồng có phát sinh một số mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ mà gia đình nào cũng có. Vào tháng 10/2016, bà N có nộp đơn xin ly hôn tại tòa án nhưng sau đó đã rút đơn và vợ chồng về chung sống bình thường với nhau. Nay bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn vì ông và các con cần một gia đình, ông sợ ảnh hưởng đến tình cảm và cuộc sống của các con khi bố mẹ ly hôn. Ông C đề nghị Tòa án cho thời gian để vợ chồng ông hòa giải và ông sẽ động viên bà N rút đơn ly hôn. Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Hưng T sinh ngày 18/01/1993 và Nguyễn Hồng H sinh ngày 22/06/1996, các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung: đôi bên tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa án giải quyết, nếu sau này không tự giải quyết được ông C sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác. Về nợ chung: ông C xác định vợ chồng ông không có bất kỳ khoản nợ chung hay trách nhiệm, nghĩa vụ dân sự chung nào nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngày 03/10/2018, bà Trần Thị N có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn như trình bày nêu trên, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Ngày 28/10/2018, ông Nguyễn Hải C có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến đã nêu trong bản khai và biên bản hòa giải, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến (theo Phát biểu số 286/PB-HNGĐ/VKS ngày 29/10/2019):

- về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và trong việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, bị đơn Nguyễn Hải C cư trú tại quận Bình Thạnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục:

Ngày 03/10/2019 nguyên đơn Trần Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ngày 28/10/2018 bị đơn Nguyễn Hải C có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy Đơn đề nghị xét xử vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa của bà N và ông C là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn và tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông C.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban phường B nhân dân quận 1 thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 quyền số 01-92 ngày 18 tháng 02 năm 1992, nên quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà N là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì trong quá trình chung sống bà N và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau, thường xuyên mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống và cách sống. Mâu thuẫn kéo dài thể hiện qua việc bà N nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận 1 thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2016, Tòa án quận 1 chuyển hồ sơ theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 1582/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08/09/2016 đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh để giải quyết theo thẩm quyền, sau khi được động viên hòa giải bà N đã rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án để ông C có thêm thời gian khắc phục những bất đồng mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không khắc phục được và bà N tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần hòa giải, động viên các đương sự đoàn tụ, đồng thời đã cho thời gian hơn hai năm để ông C có thêm thời gian hòa giải những bất đồng mâu thuẫn như đề nghị của ông C nhưng đến khi xét xử các đương sự vẫn không hàn gắn được với nhau, điều đó cho thấy việc tìm phương án hòa giải giải quyết mâu thuẫn giữa các bên của ông C không hiệu quả.

Xét thấy quan hệ hôn nhân hạnh phúc bền vững phải dựa trên cơ sở tình cảm tự nguyện, thiện chí của vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình. Nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông C đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị N là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: hai con chung tên Nguyễn Hưng T sinh ngày 18/01/1993 và Nguyễn Hồng H sinh ngày 22/06/1996 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự xác định không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Trần Thị N phải chịu tiền án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị N.

- Về hôn nhân: bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Hải C.

- Về con chung: hai con chung tên Nguyễn Hưng T sinh ngày 18/01/1993 và Nguyễn Hồng H sinh ngày 22/06/1996 đã đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, nên tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị N phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0034531 ngày 24/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 12 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THA Dân sự Q.Bình Thạnh;
- UBND phường B quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Trần Tuấn Kha